

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH
Số: 422/HD-SVHTTDL

ĐẾN SỐ: 4986
Ngày 06/7/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 6 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện, đánh giá Tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa
và Tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia
xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Văn bản số 750/BCĐ-VPĐP ngày 19/4/2017 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020 về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí số 16 về văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cụ thể, như sau:

I. TIÊU CHÍ SỐ 06 VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA

Căn cứ thực hiện:

Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã;

Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL, ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn;

Hướng dẫn số 747/HD-BVHTTDL ngày 28/2/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí số 16 về Văn hóa trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành "Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020".

Chu' ce پروت
P ku TE
Letro sv
9

1. Nội dung thực hiện tiêu chí 06 về cơ sở vật chất văn hóa

Tiêu chí thực hiện	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	Xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn
<p>1. Về Diện tích đất quy hoạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khu hội trường nhà văn hóa đa năng: Tối thiểu 300m² đối với khu vực miền núi và tối thiểu 200m² đối với vùng núi cao và các xã đặc biệt khó khăn. - Khu thể thao (chưa tính sân vận động): Tối thiểu 1.200m² đối với miền núi và tối thiểu 500m² đối với vùng núi cao và các xã đặc biệt khó khăn. - Diện tích đất quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã được tính gộp là tổng diện tích các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã. Địa điểm công trình văn hóa, thể thao xã không nhất thiết phải nằm trên một vị trí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nhà Văn hóa: Từ 200m² trở lên đối với khu vực miền núi và từ 100m² trở lên đối với vùng núi cao và thôn ở xã đặc biệt khó khăn. - Diện tích khu thể thao: Từ 300m² trở lên đối với khu vực miền núi và từ 200m² trở lên đối với vùng núi cao và thôn ở các xã đặc biệt khó khăn. - Diện tích đất quy hoạch xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được tính gộp là tổng diện tích các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn thôn. Địa điểm công trình văn hóa, thể thao thôn không nhất thiết phải nằm trên một vị trí.
<p>2. Về Quy mô xây dựng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hội trường đa năng: Tối thiểu 150 chỗ ngồi đối với miền núi và tối thiểu 100 chỗ ngồi đối với vùng núi cao và các xã đặc biệt khó khăn. - Phòng chức năng nhà văn hoá đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản) phải từ 04 phòng trở lên. - Xây dựng các công trình thể thao theo quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục thể thao và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình thể dục thể thao. - Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa) đạt 80%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội trường Nhà văn hóa: Từ 80 chỗ ngồi trở lên đối với khu vực miền núi và từ 50 chỗ ngồi trở lên đối với vùng núi cao và thôn ở xã đặc biệt khó khăn. - Sân khấu trong hội trường: Từ 25m² trở lên. - Sân tập thể thao đơn giản: Từ 200m² trở lên. - Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, cổng, tường rào bảo vệ): Đạt 80%. - Có thể xây dựng công trình thể thao khác được quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ - CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao.
<p>3. Về Trang thiết bị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị hội trường nhà văn hoá đa năng có đủ (bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh) đạt 80%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị của hội trường nhà văn hóa (bộ trang âm; bộ trang trí, khánh tiết; bàn ghế phục vụ sinh hoạt; tủ sách, ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi; bản tin nội quy hoạt động; một số

Tiêu chí thực hiện	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	Xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn
	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng xã, đạt 80%. 	<ul style="list-style-type: none"> nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương) đạt 80%. - Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương; có các dụng cụ thể thao tối thiểu.
4. Về Cán bộ quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý: Có trình độ trung cấp về văn hóa, thể dục thể thao trở lên; được hưởng phụ cấp chuyên trách và bán chuyên trách. - Cán bộ nghiệp vụ có chuyên môn về văn hóa, thể thao; được hợp đồng và hưởng thù lao bán chuyên trách: Có cộng tác viên thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý: Có trình độ chuyên môn (qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ). - Chế độ thù lao: Hưởng thù lao theo công việc.
5. Về Kinh phí hoạt động thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm. - Đảm bảo thù lao cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được quy định tại Thông tư liên tịch 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH, ngày 12/5/2010. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách địa phương hỗ trợ: Tỷ lệ cụ thể do địa phương quy định. - Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa: Tỷ lệ cụ thể do địa phương quy định.
6. Hoạt động văn hóa, văn nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền phục vụ chính trị: Tối thiểu 4 cuộc/năm. - Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng: Tối thiểu 2 cuộc/năm. - Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ: Từ 3 câu lạc bộ trở lên. - Thư viện, phòng đọc sách, báo: Có hoạt động. - Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc: Có hoạt động. + Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên: Đạt 30% trở lên/tổng số dân.
7. Hoạt động thể dục, thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Thi đấu thể thao: 04 cuộc/năm - Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên: Đạt 15% trở lên/tổng số dân.
& Hoạt động văn hóa,	<ul style="list-style-type: none"> Dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí

Tiêu chí thực hiện	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	Xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn
<i>vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi</i>	động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.	phục vụ trẻ em: Đạt 20% thời gian hoạt động.
9. Về công tác Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ	Chỉ đạo, hướng dẫn nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản hiện có: Đạt 100%.	

2. Hướng dẫn sử dụng cơ sở vật chất hiện có

- Các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - Khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà sinh hoạt cộng đồng, Đình làng, Nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, nhà văn hóa liên thôn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân vẫn được tính đạt tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 06) trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Về lâu dài cần có lộ trình cụ thể để quy hoạch, đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành.

- Các thôn, bản có dân số ít, địa giới hành chính gần nhau được sự đồng thuận của nhân dân, có thể tổ chức sinh hoạt văn hóa, thể thao tại một Nhà văn hóa liên thôn.

3. Hướng dẫn xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

Các xã không có điểm vui chơi, giải trí riêng biệt cho trẻ em có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và trang bị một số trang thiết bị tối thiểu phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, tạo môi trường lành mạnh, an toàn, phát triển toàn diện cho trẻ. Trong năm đảm bảo dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng của Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

(Có biểu mẫu đánh giá tiêu chí số 06 gửi kèm)

II. TIÊU CHÍ SỐ 16 VỀ VĂN HÓA

1. Nội dung tiêu chí


Các xã được công nhận nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, hàng năm phải có từ 70% trở lên số thôn, xóm, bản đạt danh hiệu văn hóa.

2. Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí

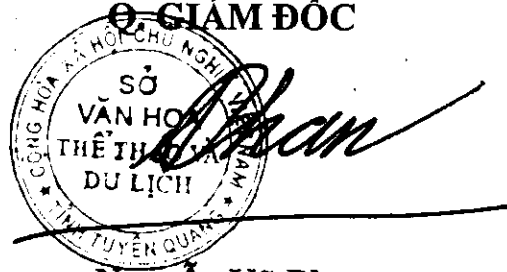
Hàng năm, Đoàn đánh giá, tổ chức đánh giá thôn, xóm, bản đạt danh hiệu văn hóa theo điểm 2, phần I và điểm 2, phần II trong Quy định tiêu chí, thang điểm và mức đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, xóm, bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số

08/2014/QĐ-UBND ngày 8/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh (có Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND, gửi kèm).

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ hướng dẫn nêu trên tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Nơi nhận: 

- UBND các huyện, thành phố;
- Sở NN&PTNT;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng VH&TT các huyện, thành phố;
- Phòng: QLTT, NSVH&GD;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Vũ Phan


BIỂU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ SỐ 06 VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ VĂN HÓA XÃ

Xã....., huyện.....
 (Kèm theo Hướng dẫn số 422 /HD-SVHTTDL ngày 29/6/2017
 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

S T T	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	ĐVT	Tiêu chí đạt chuẩn		Kết quả đánh giá		Nguyên nhân không đạt
				Miền núi	Vùng núi cao và xã đặc biệt khó khăn	Đạt	Không đạt	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Diện tích đất quy hoạch	- Khu hội trường nhà văn hóa đa năng	m ²	Từ 300m ² trở lên	Từ 200m ² trở lên			
		- Khu thể thao: Sân bóng chuyền, sân cầu lông;... (chưa tính diện tích sân vận động).	m ²	Từ 1.200m ² trở lên	Từ 500m ² trở lên			
2	Quy mô xây dựng	- Hội trường văn hóa đa năng	m ²	150 chỗ ngồi trở lên	100 chỗ ngồi trở lên			
		- Phòng chức năng nhà văn hóa đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản)		04 phòng trở nên				
		- Công trình phụ trợ Trung tâm văn hóa thể thao xã (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, công, tường rào bảo vệ).	%	Đạt 80%				

3	Trang thiết bị	- Hội trường văn hoá đa năng có đủ (bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh)	%	Đạt 80%			
		- Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của xã	Có đủ	Đạt 80%			
4	Cán bộ	- Cán bộ quản lý nhà văn hóa có trình độ trung cấp về văn hóa, thể dục thể thao trở lên; được hưởng phụ cấp chuyên trách và bán chuyên trách.		Đạt			
		- Cán bộ nghiệp vụ có chuyên môn về văn hóa, thể thao; được hợp đồng và hưởng thù lao bán chuyên trách: Có cộng tác viên thường xuyên.		Có cộng tác viên thường xuyên			
5	Kinh phí hoạt động	- Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm.		Đảm bảo			
		- Đảm bảo thù lao cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được quy định tại Thông tư liên tịch 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH, ngày 12/5/2010.		Đảm bảo			
6	Hoạt động văn hóa văn nghệ	- Tuyên truyền phục vụ chính trị.	Cuộc	Tối thiểu 4 cuộc/năm.			

		- Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng.	Cuộc	Tối thiểu 2 cuộc/năm.			
		- Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ.		3 câu lạc bộ trở lên.			
		- Thư viện, phòng đọc sách, báo.		Có hoạt động.			
		- Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc.		Có hoạt động.			
		- Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa.	%	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.			
7	Hoạt động thể dục thể thao	- Thi đấu thể thao	Cuộc	6 cuộc/ năm			
		- Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.			
8	Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Thu hút trẻ em và người cao tuổi trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao	%	Đạt 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi			
9	Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ	Chỉ đạo, hướng dẫn nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản hiện có.	%	Đạt 100%.			

Hướng dẫn điền biểu:

- Cột số 1,2,3,4,5,6 tham chiếu đánh giá;
- Cột số 7,8 đánh dấu (x) đạt hay không đạt;
- Cột số 9 nêu rõ nguyên nhân không đạt

BIỂU DANH GIÁ TIÊU CHÍ SỐ 6 VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ VĂN HÓA



Biểu số 02

Thôn....., xã....., huyện.....

(Kèm theo Hướng dẫn số 422/HD-SVHTTDL ngày 29/6/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

S T T	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	ĐVT	Tiêu chí đạt chuẩn		Kết quả đánh giá		Nguyên nhân không đạt
				Miền núi	Vùng núi cao và thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn	Đạt	Không đạt	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Diện tích đất quy hoạch	- Khu nhà văn hóa	m ²	Từ 200m ² trở lên	Từ 100m ² trở lên			
		- Khu thể thao	m ²	Từ 300m ² trở lên	Từ 200m ² trở lên			
2	Quy mô xây dựng	- Hội trường Nhà văn hóa	m ²	Từ 100 chỗ ngồi trở lên	Từ 50 chỗ ngồi trở lên			
		- Sân khấu trong hội trường	m ²	Từ 25 m ² trở lên				
		- Sân tập thể thao đơn giản	m ²	Từ 200 m ² trở lên				
		- Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, cổng, tường rào bảo vệ)	%	Đạt 80%				

3	Trang thiết bị	- Trang thiết bị của hội trường nhà văn hóa: + <i>Bộ trang âm (tivi, ampli; micro, loa)</i> + <i>Bộ trang trí, khánh tiết (cờ Tổ quốc, cờ đảng, ảnh hoặc tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu, băng khẩu hiệu, cờ trang trí ...).</i> + <i>Bàn ghế phục vụ sinh hoạt.</i> + <i>Tủ sách, ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi.</i> + <i>Bản tin nội quy hoạt động.</i> + <i>Một số nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương.</i>	%	Đạt 80%			
		- Dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.		Có các dụng cụ thể thao tối thiểu			
4	Kinh phí hoạt động thường xuyên	- Ngân sách địa phương hỗ trợ		Tỷ lệ do địa phương quy định			
		- Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa					
5	Cán bộ	- Trình độ chuyên môn		Qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ			
		- Chế độ thù lao		Hưởng thù lao theo công việc			
6	Kết quả thu hút nhân dân tham gia hoạt động	- Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên.	%	Đạt 30% trở lên/tổng số dân			
		- Hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên.	%	Đạt 15% trở lên/tổng số dân.			
		- Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em	%	Đạt 20% thời gian hoạt động.			

Hướng dẫn điền biểu:

- Cột số 1,2,3,4,5,6 tham chiếu đánh giá;
- Cột số 7,8 đánh dấu (x) đạt hay không đạt;
- Cột số 9 nêu rõ nguyên nhân không đạt